

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 177/2007/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 20 tháng 11 năm 2007

QUYẾT ĐỊNH

VỀ VIỆC PHÊ DUYỆT “ĐỀ ÁN PHÁT TRIỂN NHIÊN LIỆU SINH HỌC ĐẾN NĂM 2015, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2025”

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;
Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công thương,*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt “Đề án phát triển nhiên liệu sinh học đến năm 2015, tầm nhìn đến năm 2025” (sau đây gọi tắt là Đề án) với những nội dung chủ yếu sau đây:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát:

Phát triển nhiên liệu sinh học, một dạng năng lượng mới, tái tạo được để thay thế một phần nhiên liệu hóa thạch truyền thống, góp phần bảo đảm an ninh năng lượng và bảo vệ môi trường.

2. Mục tiêu cụ thể cho từng giai đoạn:

a. Giai đoạn đến năm 2010:

- Xây dựng hệ thống cơ chế, chính sách và văn bản quy phạm pháp luật nhằm tạo hành lang pháp lý để thu hút đầu tư, khuyến khích sản xuất quy mô công nghiệp và sử dụng nhiên liệu sinh học. Nâng cao nhận thức cộng đồng về vai trò quan trọng và lợi ích to lớn của nhiên liệu sinh học;
- Xây dựng lộ trình sử dụng nhiên liệu sinh học để thay thế một phần nhiên liệu hóa thạch đang sử dụng trong ngành giao thông vận tải, các ngành công nghiệp khác và mô hình thí điểm phân phối nhiên liệu sinh học tại một số tỉnh, thành phố;
- Nghiên cứu, tiếp cận và làm chủ được các công nghệ sản xuất nhiên liệu sinh học từ sinh khối, công nghệ phối trộn phù hợp và giải quyết vấn đề nâng cao hiệu suất chuyển hóa từ sinh khối thành nhiên liệu;

- Quy hoạch và phát triển các vùng nguyên liệu để sản xuất cồn, dầu, mỡ động, thực vật (mía, sắn, ngô, cây có dầu, mỡ động vật tận thu,...) để sản xuất nhiên liệu sinh học;
- Đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng bước đầu nhu cầu phát triển nhiên liệu sinh học;
- Đến năm 2010, xây dựng và phát triển được các mô hình sản xuất thử nghiệm và sử dụng nhiên liệu sinh học quy mô 100 nghìn tấn E5 và 50 nghìn tấn B5/năm bảo đảm đáp ứng 0,4% nhu cầu xăng dầu của cả nước;
- Tiếp cận và làm chủ được công nghệ sản xuất giống cây trồng cho năng suất cao để sản xuất nhiên liệu sinh học.

b. Giai đoạn 2011 – 2015:

- Nghiên cứu, làm chủ và sản xuất các vật liệu, chất phụ gia phục vụ sản xuất nhiên liệu sinh học;
- Phát triển sản xuất và sử dụng rộng rãi nhiên liệu sinh học để thay thế một phần nhiên liệu hóa thạch truyền thống. Mở rộng quy mô các cơ sở sản xuất nhiên liệu sinh học và mạng lưới phân phối cho mục đích giao thông và sản xuất công nghiệp khác;
- Phát triển các vùng nguyên liệu theo quy hoạch, đưa các giống cây nguyên liệu cho năng suất cao, khả năng chống chịu sâu bệnh tốt vào sản xuất đại trà, bảo đảm cung cấp đủ nguyên liệu sinh khối cho quá trình chuyển hóa thành nhiên liệu sinh học;
- Ứng dụng thành công công nghệ lên men hiện đại để đa dạng hóa các nguồn nguyên liệu cho quá trình chuyển hóa sinh khối thành nhiên liệu sinh học;
- Xây dựng và phát triển các cơ sở sản xuất và sử dụng nhiên liệu sinh học trên phạm vi cả nước. Đến năm 2015, sản lượng ethanol và dầu thực vật đạt 250 nghìn tấn (pha được 5 triệu tấn E5, B5), đáp ứng 1% nhu cầu xăng dầu của cả nước;
- Đào tạo được một đội ngũ cán bộ chuyên sâu về những lĩnh vực chủ yếu liên quan đến quá trình sản xuất nhiên liệu sinh học và đào tạo phổ cập lực lượng công nhân kỹ thuật đáp ứng nguồn nhân lực cho quá trình phát triển nhiên liệu sinh học.

c. Tầm nhìn đến năm 2025:

Công nghệ sản xuất nhiên liệu sinh học ở nước ta đạt trình độ tiên tiến trên thế giới. Sản lượng ethanol và dầu thực vật đạt 1,8 triệu tấn, đáp ứng khoảng 5% nhu cầu xăng dầu của cả nước.

II. CÁC NHIỆM VỤ CHỦ YẾU

1. Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ (R-D), triển khai sản xuất thử sản phẩm (P) phục vụ phát triển nhiên liệu sinh học:

- Nghiên cứu xây dựng và ban hành các cơ chế, chính sách và hệ thống văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, chuyển giao, sản xuất và sử dụng nhiên liệu sinh học, bao gồm chính sách khuyến khích đầu tư; cơ chế thúc đẩy nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và phát triển sản xuất; hệ thống tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật, lộ trình áp dụng (tiêu chuẩn TCVN, quy chuẩn kỹ thuật liên quan đến sản xuất sử dụng E5, B5, các quy định bắt buộc về môi trường và lộ trình áp dụng đối với các đối tượng sử dụng nhiên liệu theo hướng khuyến khích sử dụng rộng rãi nhiên liệu sinh học);

- Tiếp cận và làm chủ được công nghệ phối trộn xăng, condensat, nafta, diesel dầu mỏ với ethanol, diesel sinh học và phụ gia để tạo ra xăng E5 (95% xăng dầu mỏ truyền thống và 5% ethanol) và dầu diesel B5 (95% diesel dầu mỏ truyền thống và 5% diesel sinh học) và đưa vào hoạt động các cơ sở pha chế công suất 100 nghìn tấn E5 và 50 nghìn tấn B5/năm. Phát triển mạng lưới phân phối và tiêu thụ sản phẩm trên phạm vi cả nước với hạt nhân là các thành phố lớn như thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Đà Nẵng,...

- Tiếp cận và áp dụng công nghệ sản xuất ethanol hiện đại từ các nguồn sinh khối khác nhau: sản xuất và sử dụng các hệ enzyme hiệu quả cao cho chuyển hóa nguyên liệu, các chế phẩm kháng sinh chống tạp nhiễm, các vi sinh vật có khả năng lên men đa cơ chế, hiệu suất cao, hệ thống lên men liên tục tiết kiệm năng lượng (tuần hoàn men, nước nấu, tận dụng hơi thừa),... Làm chủ được công nghệ sản xuất ethanol hiện đại hiệu suất cao, đạt tiêu chuẩn làm nhiên liệu sinh học. Phát triển các cơ sở sản xuất cồn từ quy mô vừa lên quy mô lớn và đồng bộ, bảo đảm đáp ứng đủ ethanol cho nhu cầu phối chế E5;

- Nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và tổ chức sản xuất, tiêu thụ diesel sinh học từ các nguồn dầu, mỡ động, thực vật đạt tiêu chuẩn để phối trộn với diesel dầu mỏ tạo ra sản phẩm diesel B5. Phát triển các cơ sở sản xuất diesel sinh học theo quy mô phù hợp với vùng, nguồn nguyên liệu bảo đảm cung cấp đủ diesel sinh học cho việc phối chế B5;

- Quy hoạch và phát triển các vùng nguyên liệu để sản xuất cồn, dầu, mỡ động, thực vật (mía, sắn, ngô, cây có dầu, mỡ động vật tận thu,...) theo hướng sử dụng triệt để quỹ đất hiện có, đồng thời sử dụng có hiệu quả đất của từng địa phương, phát huy lợi thế của từng vùng nguyên liệu. Chọn tạo được các giống mía, sắn, ngô, lúa, cây có dầu cho năng suất cao đạt mức khá của thế giới, phù hợp với các vùng đất đã được quy hoạch, đặc biệt là các vùng đất xấu, đất thoái hóa không dùng để sản xuất lương thực cho người;

- Nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và triển khai sản xuất các chất phụ gia, hóa chất cần thiết phục vụ việc pha chế nhiên liệu sinh học với xăng dầu hóa thạch truyền thống bảo đảm yêu cầu về chất lượng nhiên liệu và an toàn đối với môi trường.

2. Hình thành và phát triển ngành công nghiệp sản xuất nhiên liệu sinh học:

- Thành lập và khuyến khích các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế đầu tư vào hoạt động nghiên cứu, chuyển giao, tiếp nhận và ứng dụng công nghệ vào sản xuất nhiên liệu sinh học; ứng dụng có hiệu quả các tiến bộ kỹ thuật, công nghệ mới để sản xuất, kinh doanh và dịch vụ các sản phẩm nhiên liệu sinh học;

- Hình thành và phát triển mạnh ngành công nghiệp sản xuất nhiên liệu sinh học, tạo lập được thị trường thông thoáng và thuận lợi để thúc đẩy các doanh nghiệp đầu tư vào các dự án sản xuất, kinh doanh và dịch vụ các sản phẩm nhiên liệu sinh học;

3. Xây dựng tiềm lực phục vụ phát triển nhiên liệu sinh học:

a. Đào tạo nguồn nhân lực:

- Đào tạo ngắn hạn với thời gian từ 6 đến 12 tháng để nâng cao trình độ chuyên môn cho cán bộ khoa học công nghệ chuyên ngành tại các nước có nền công nghiệp sản xuất nhiên liệu sinh học phát triển;

- Đào tạo trong nước các kỹ sư công nghệ về công nghệ sản xuất nhiên liệu sinh học từ khâu sản xuất sinh khối đến khâu chuyển hóa thành nhiên liệu theo các nội dung của Đề án;

- Đào tạo các công nhân kỹ thuật có tay nghề cao về công nghệ sản xuất nhiên liệu sinh học để triển khai thực hiện các nội dung của Đề án tại các doanh nghiệp và địa phương;

- Bồi dưỡng kiến thức và nâng cao năng lực quản lý nhà nước cho cán bộ quản lý cấp Bộ, ngành, các doanh nghiệp về phát triển và ứng dụng nhiên liệu sinh học.

b. Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật và hiện đại hóa máy móc, thiết bị:

- Đầu tư chiều sâu để nâng cấp hệ thống các cơ quan nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực nhiên liệu sinh học; bổ sung máy móc, thiết bị tiên tiến và hiện đại hóa cơ sở vật chất, kỹ thuật cho các phòng thí nghiệm hiện có nhằm nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn để tiếp cận và tiếp nhận chuyển giao công nghệ về sản xuất nhiên liệu sinh học từ sinh khối thành các sản phẩm thương mại;

- Đầu tư và đưa vào sử dụng một số phòng thí nghiệm tiên tiến, bảo đảm đủ năng lực, phục vụ có hiệu quả các đối tượng nghiên cứu về nguyên liệu, công nghệ sản xuất và phối chế, đặc biệt ưu tiên các nghiên cứu định hướng kỹ thuật, nhanh chóng tạo ra sản phẩm và có tiềm năng phát triển thành sản xuất lớn công nghiệp;

- Xây dựng, nối mạng và đưa vào hoạt động hệ thống cơ sở dữ liệu, thông tin quốc gia về nhiên liệu sinh học để cung cấp và chia sẻ kịp thời, đầy đủ các thông tin cơ bản nhất, mới nhất về thiết bị, công nghệ sản xuất nhiên liệu sinh học cho các đơn vị và cá nhân liên quan.

4. Hợp tác quốc tế:

- Chủ động tiếp nhận, làm chủ và chuyển giao các tiến bộ kỹ thuật, công nghệ, thành tựu khoa học mới trong lĩnh vực sản xuất nhiên liệu sinh học trên thế giới để phát triển nhanh, mạnh và bền vững ngành công nghiệp sản xuất nhiên liệu sinh học ở Việt Nam;

- Triển khai, thực hiện khoảng 20 đề tài, dự án hợp tác quốc tế với các tổ chức, cá nhân nhà khoa học và công nghệ nước ngoài để phát triển nghiên cứu, sản xuất và sử dụng nhiên liệu sinh học ở nước ta.

III. MỘT SỐ GIẢI PHÁP CHÍNH

1. Đẩy mạnh việc triển khai ứng dụng các kết quả nghiên cứu vào thực tiễn sản xuất, khuyến khích thực hiện chuyển giao công nghệ và tạo lập môi trường đầu tư phát triển sản xuất nhiên liệu sinh học:

- Đẩy mạnh việc triển khai các đề tài nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu ứng dụng, nghiên cứu phát triển (R-D) để tiếp thu và làm chủ công nghệ sản xuất nhiên liệu sinh học, các hóa chất phụ gia cần thiết, các dự án sản xuất thử nghiệm (dự án P), các dự án hợp tác quốc tế, dự án chuyển giao công nghệ, dự án sản xuất quy mô công nghiệp các loại nhiên liệu sinh học;

- Khuyến khích việc ứng dụng các kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ sản xuất, đẩy mạnh các hoạt động chuyển giao công nghệ trong nước và nhập khẩu các công nghệ sản xuất nhiên liệu sinh học, hóa chất phụ gia phục vụ phối chế nhiên liệu từ các nước tiên tiến nhằm thúc đẩy sản xuất, tiêu thụ nhiên liệu sinh học;

- Tạo lập thị trường thông thoáng, thuận lợi cho phát triển nhiên liệu sinh học, thúc đẩy thành lập các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế và khuyến khích họ đầu tư vào sản xuất nhiên liệu sinh học. Nhà nước có những chính sách ưu đãi về vay vốn tín dụng, thuế, quyền sử dụng đất,... cho các doanh nghiệp đầu tư vào phát triển sản xuất nhiên liệu sinh học.

2. Tăng cường đầu tư và đa dạng hóa các nguồn vốn để thực hiện có hiệu quả các nội dung của Đề án:

- Tổng kinh phí để thực hiện các nội dung của Đề án được xác định trên cơ sở kinh phí của từng dự án, đề tài, nhiệm vụ thành phần cụ thể được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Hàng năm, Nhà nước bố trí tăng dần mức vốn đầu tư từ ngân sách để thực hiện các nội dung của Đề án. Tăng cường và đa dạng hóa các nguồn vốn đầu tư từ doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài, vốn kinh tế đối ngoại (ODA, FDI,...) và các nguồn vốn hợp tác quốc tế khác để phát triển nhiên liệu sinh học ở nước ta;

- Tổng vốn ngân sách nhà nước chi cho việc triển khai, thực hiện các nội dung của Đề án trong 9 năm (2007 – 2015) dự kiến khoảng 259,2 tỷ đồng (trung bình mỗi năm 28,8 tỷ đồng). Nguồn vốn này chi cho việc thực hiện các nhiệm vụ về nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu ứng dụng, nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, nghiên cứu cải tiến, đổi mới công nghệ nhằm nâng cao sản lượng, chất lượng và tăng khả năng cạnh tranh của nhiên liệu sinh học, sản xuất thử sản phẩm, hỗ trợ các dự án chuyển giao công nghệ sản xuất quy mô công nghiệp các sản phẩm nhiên liệu sinh học; tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật, máy móc, thiết bị; đào tạo nguồn nhân lực; hợp tác quốc tế và một số nội dung khác có liên quan thuộc Đề án;

- Vốn đầu tư phát triển ngành công nghiệp sản xuất nhiên liệu sinh học do các doanh nghiệp đảm nhiệm;

3. Tăng cường xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật và đào tạo nguồn nhân lực phục vụ nhu cầu phát triển nhiên liệu sinh học:

- Đẩy mạnh việc xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật, tăng cường và hiện đại hóa máy móc, thiết bị cho các phòng thí nghiệm và các cơ quan nghiên cứu, ứng dụng, phát triển nhiên liệu sinh học;

- Tích cực triển khai quy hoạch và áp dụng các giải pháp đồng bộ phát triển vùng nguyên liệu sinh khối theo hướng phát triển bền vững khép kín từ khâu giống đến khâu kỹ thuật canh tác, tổ chức sản xuất sinh khối cung cấp cho các cơ sở sản xuất nhiên liệu sinh học, đồng thời quy hoạch mới các cơ sở sản xuất nhiên liệu theo hướng chế biến, kinh doanh và dịch vụ các sản phẩm có chất lượng tốt, có khả năng cạnh tranh cao đáp ứng yêu cầu thị trường;

- Đẩy mạnh công tác đào tạo nguồn nhân lực có trình độ cao về công nghệ trong lĩnh vực công nghiệp sản xuất nhiên liệu sinh học, bao gồm đào tạo bổ sung, đào tạo mới, bồi dưỡng và nâng cao trình độ khoa học, công nghệ ở các trình độ cử nhân, kỹ sư công nghệ và kỹ thuật viên; nâng cao năng lực quản lý để đáp ứng tốt nhu cầu phát triển bền vững ngành công nghiệp sản xuất nhiên liệu sinh học tại Việt Nam.

4. Hoàn thiện hệ thống cơ chế, chính sách, văn bản quy phạm pháp luật để phát triển nhiên liệu sinh học:

- Đổi mới cơ chế, chính sách về thuế, ưu tiên vay vốn và sử dụng đất đai để hỗ trợ, khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp, các tổ chức, cá nhân trong nước và quốc tế đầu tư phát triển sản xuất nhiên liệu sinh học ở Việt Nam. Trong giai đoạn 2007 – 2015, đầu tư sản xuất nhiên liệu sinh học được xếp vào danh mục lĩnh vực được đặc biệt ưu đãi đầu tư. Các doanh nghiệp đầu tư sản xuất nhiên liệu sinh học được miễn, giảm thuế thu nhập đối với sản phẩm là nhiên liệu sinh học theo quy định tại Nghị định số 24/2007/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp. Các doanh nghiệp sản xuất nhiên liệu sinh học được hưởng các ưu đãi tối đa về thuế đất, sử dụng đất trong thời gian 20 năm. Nguyên liệu, linh kiện, máy móc, thiết bị phục vụ cho việc nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ sản xuất nhiên liệu sinh học được miễn thuế nhập khẩu. Nguyên liệu, linh kiện, máy móc, thiết bị phục vụ cho sản xuất nhiên liệu sinh học được hưởng thuế suất nhập khẩu ở mức thấp nhất;

- Trong thời gian xây dựng hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật Việt Nam cho các loại nguyên liệu, phụ gia và sản phẩm nhiên liệu sinh học, khuyến khích các doanh nghiệp tự công bố tiêu chuẩn cơ sở trên cơ sở viện dẫn tiêu chuẩn các nước G7;

- Đẩy mạnh việc xây dựng và ban hành các cơ chế, chính sách nhằm thu hút đầu tư và khuyến khích nhân tài tham gia nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, sản xuất và

tiêu thụ nhiên liệu sinh học theo hướng bền vững. Trong giai đoạn 2007 – 2015, sinh viên mới tốt nghiệp được tuyển dụng vào các cơ sở sản xuất, các cơ quan nghiên cứu về nhiên liệu sinh học được ưu tiên xét tuyển trong các chương trình đào tạo, thực tập nâng cao nghề nghiệp trong nước và ở ngoài nước;

- Khuyến khích và hỗ trợ việc nghiên cứu lai tạo các chủng vi sinh vật, các giống cây công nghiệp mới (bao gồm cả các chủng, giống cây biến đổi gen) và hoàn thiện quy trình canh tác quy mô công nghiệp để sản xuất nguyên liệu có sản lượng và chất lượng tốt, đáp ứng yêu cầu phát triển ngành công nghiệp sản xuất nhiên liệu sinh học của nước ta;

- Đẩy mạnh việc thực thi nghiêm chỉnh và đầy đủ các quy định về sở hữu trí tuệ trong việc bảo hộ quyền tác giả và quyền sở hữu công nghiệp đối với chủng vi sinh vật, giống cây trồng, quy trình công nghệ, máy móc, thiết bị,... của công nghệ sản xuất nhiên liệu sinh học.

5. Mở rộng và tăng cường hợp tác quốc tế để học hỏi kinh nghiệm và phát triển nhiên liệu sinh học:

- Tăng cường hợp tác song phương, mở rộng hợp tác đa phương với các nước có ngành công nghiệp nhiên liệu sinh học phát triển, với các tổ chức, cá nhân nước ngoài giàu tiềm lực để học hỏi kinh nghiệm trong việc phát triển nhiên liệu sinh học;

- Chủ động xây dựng và thực hiện các chương trình, đề tài, dự án hợp tác quốc tế để tranh thủ tối đa sự giúp đỡ về kinh nghiệm, trí tuệ, sự tài trợ về vốn, trang thiết bị và thu hút đầu tư nhằm phát triển sản xuất và tiêu thụ nhiên liệu sinh học ở nước ta.

6. Nâng cao nhận thức cộng đồng về phát triển nhiên liệu sinh học:

Đẩy mạnh tuyên truyền và phổ biến kiến thức cho mọi người hiểu về vai trò quan trọng và hiệu quả kinh tế, xã hội và bảo vệ môi trường to lớn của nhiên liệu sinh học trong sự phát triển bền vững. Tuyên truyền rộng rãi về việc xây dựng, phát triển thị trường và sử dụng nhiên liệu sinh học ở nước ta.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Bộ Công thương:

- Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương và các tổ chức, cá nhân liên quan tổ chức thực hiện có hiệu quả, đúng tiến độ các nội dung của Đề án, định kỳ hàng năm báo cáo Thủ tướng Chính phủ; chủ trì tổ chức hội nghị tổng kết vào cuối năm 2010 để đánh giá kết quả trong 3 năm đầu thực hiện Đề án nhằm rút ra những bài học kinh nghiệm, làm cơ sở cho việc triển khai Đề án trong giai đoạn 2011 – 2015;

- Chủ trì lập kế hoạch vốn ngân sách nhà nước dài hạn và từng năm để thực hiện các nội dung của Đề án, gửi các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính để tổng hợp, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt;

- Chủ trì xây dựng danh mục được hưởng ưu đãi đầu tư trong lĩnh vực phát triển nhiên liệu sinh học và cơ chế áp dụng chính sách ưu đãi;
- Chủ trì, phối hợp với Bộ Ngoại giao, Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức thực hiện nội dung hợp tác quốc tế về phát triển nhiên liệu sinh học;
- Chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xây dựng hệ thống cung ứng và phân phối sản phẩm nhiên liệu sinh học;
- Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành và địa phương liên quan tổ chức tuyên truyền, phổ biến kiến thức cho cộng đồng về vai trò và lợi ích của nhiên liệu sinh học đối với sự phát triển bền vững đất nước;
- Bộ trưởng Bộ Công thương thành lập Ban điều hành liên ngành để tổ chức thực hiện “Đề án phát triển nhiên liệu sinh học đến năm 2015, tầm nhìn đến năm 2025” do lãnh đạo Bộ Công thương làm Trưởng ban. Thành phần, quy chế hoạt động của Ban Điều hành liên ngành và Văn phòng giúp việc do Bộ trưởng Bộ Công thương quyết định.

2. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Công thương, Bộ Kế hoạch và Đầu tư xây dựng quy hoạch phát triển các vùng nguyên liệu cho ngành công nghiệp sản xuất nhiên liệu sinh học;
- Chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính xây dựng và triển khai các chính sách ưu đãi, hỗ trợ cho sản xuất nguyên liệu sinh khối phục vụ sản xuất nhiên liệu sinh học.

3. Bộ Khoa học và Công nghệ:

- Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và phạm vi quản lý nhà nước của ngành mình có trách nhiệm phối hợp với Bộ Công thương để triển khai thực hiện có hiệu quả các nội dung liên quan đến nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ sản xuất nhiên liệu sinh học trong Đề án;
- Chủ trì, phối hợp với Bộ Công thương và các Bộ, ngành liên quan xây dựng và ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành các cơ chế, chính sách ưu đãi đối với nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ sản xuất nhiên liệu sinh học; các văn bản liên quan đến sở hữu trí tuệ (bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp, quyền tác giả), các tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật liên quan đến lĩnh vực này).

4. Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính:

- Cân đối, bố trí và hướng dẫn sử dụng kế hoạch vốn hàng năm và dài hạn để thực hiện có hiệu quả và đúng tiến độ các nội dung, nhiệm vụ của Đề án;

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Công thương và các Bộ, ngành liên quan xây dựng và ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành các cơ chế, chính sách ưu đãi về thuế; về đầu tư, danh mục được hưởng ưu đãi đầu tư và cơ chế áp dụng chính sách ưu đãi đối với dự án sản xuất nhiên liệu sinh học.

5. Bộ giáo dục và Đào tạo:

Chủ trì, phối hợp với Bộ Công thương và các Bộ, ngành liên quan tổ chức đào tạo nguồn nhân lực, đáp ứng nhu cầu phát triển nhiên liệu sinh học.

6. Các Bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp, tổ chức và cá nhân: có nhu cầu tham gia thực hiện các nội dung, nhiệm vụ của Đề án tiến hành đăng ký với Bộ Công thương để được xem xét, giải quyết.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Điều 3. Bộ trưởng Bộ Công thương, các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
 - Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
 - Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
 - VP BCĐ TW về phòng, chống tham nhũng;
 - HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
 - Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
 - Văn phòng Chủ tịch nước;
 - Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
 - Văn phòng Quốc hội;
 - Tòa án nhân dân tối cao;
 - Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
 - Kiểm toán Nhà nước;
 - Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
 - Các Tập đoàn kinh tế và Tổng công ty 91
 - VPCP: BTCN, các PCN, Website Chính phủ,
- Người phát ngôn của Thủ tướng Chính phủ,
Các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, KG (5b).

Hoàng Trung Hải